TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 02– 2026
Về việc: *"Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Võ Tấn Phước

Ông Huỳnh Tài Em

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Cẩm M, sinh ngày 02/3/1990. Căn cước công dân số: 094190006348 cấp ngày 16/9/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh ngày 25/9/1993. Căn cước công dân số: 095093010837 cấp ngày 25/3/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2025, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 30/12/2025, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm M trình bày:

Chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H kết hôn vào ngày 07/6/2023, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau). Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân giữa chị M và anh H không thể tiếp tục nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Lê Thanh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới, cha mẹ chồng cho vợ chồng chị M vàng cưới tất cả 5,5 chỉ gồm 01 chiếc vòng trọng lượng 02 chỉ vàng 24k, 01 dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông vàng 18k và 01 nhẫn cưới vàng 18k có trọng lượng chung 1,5 chỉ vàng. Hiện nay, toàn bộ số vàng trên không còn do vợ chồng chị M bán chi xài trong gia đình. Cụ thể: Anh H bán 01 chiếc vòng 02 chỉ vàng 24k để mua xe; đối với 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 24k thì anh H đã đổi lại 01 dây chuyền vàng 18k trọng lượng 1,9 chỉ và còn dư tiền anh H đưa cho chị M 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); đối với 01 chiếc nhẫn vàng 18k chị M bán chi xài trong gia đình; còn 01 đôi bông tai vàng 18k bị mất. Việc chị M bán vàng khi chị M còn ở chung với gia đình chồng, nên anh H biết việc này và cũng không có ý kiến phản đối gì.

Tại đơn khởi kiện bổ sung, chị M yêu cầu chia đôi toàn bộ số vàng cưới của vợ chồng. Cụ thể: Tổng số vàng vợ chồng được cho trong ngày cưới tất cả là 5,5 chỉ vàng gồm: 01 vòng tay 02 chỉ vàng 24k (01 chỉ vàng 24k trị giá 14.400.000 đồng bằng 28.800.000 đồng); 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 24 k (01 chỉ vàng 24k trị giá 14.400.000 đồng bằng 28.800.000 đồng); 01 đôi bông vàng 18k và 01 nhẫn cưới vàng 18k có trọng lượng chung 1,5 chỉ vàng (01 chỉ vàng 18k trị giá 10.600.000đồng x 1,5 chỉ bằng 15.900.000 đồng). Tổng giá trị của 5,5 chỉ vàng bằng 73.500.000 đồng. Chị M yêu cầu chia đôi số vàng trên, chị M yêu cầu được nhận giá trị bằng số tiền 36.750.000 đồng (73.500.000 đồng : 2 = 36.750.000 đồng).

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 15/12/2025, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Thanh H trình bày:

Anh Lê Thanh H thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Cẩm M đối với các vấn đề về hôn nhân, con chung và tài sản chung. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, anh H có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Cẩm M.

Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Thống nhất với lời trình bày của chị M về số vàng của vợ chồng được cha mẹ cho trong ngày cưới. Trong ngày cưới, cha mẹ anh H cho vợ chồng anh H gồm 01 chiếc vòng trọng lượng 02 chỉ vàng 24k, 01 dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông vàng 18k và 01 nhẫn cưới vàng 18k mua chung có trọng lượng 1,5 chỉ (không biết trọng lượng riêng của đôi bông và nhẫn). Giấy tờ mua số vàng trên anh không có giữ vì do cha mẹ cho. Hiện nay, toàn bộ số vàng trên không còn do chị M đã bán hết. Cụ thể: Anh H cầm 01 chiếc vòng 02 chỉ vàng 24k với giá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) để mua xe máy (Cầm cho tiệm cầm đồ Kiều D ở xã H, giấy tờ cầm vàng đã đưa chị M giữ, không nhớ thời gian cầm vàng); chị M bán 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn vàng 18k và 01 đôi bông tai vàng 18k để chi xài cá nhân. Chị M cho rằng 01 đôi bông bị mất là không đúng. Việc chị M bán vàng khi chị M đang ở bên nhà cha mẹ ruột chị M, nên anh H không biết việc này mà mới biết lúc gần đây.

Nay, anh H có ý kiến sau khi ly hôn, tài sản chung của vợ chồng chia đôi theo quy định pháp luật. Cụ thể: Đối với chiếc vòng 2 chỉ vàng 24k anh H đã cầm mua xe thì không yêu cầu giải quyết. Anh H chỉ yêu cầu chia đôi số vàng gồm 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông vàng 18k và 01 nhẫn cưới vàng 18k có trọng lượng chung 1,5 chỉ.

Ngày 15/12/2025, anh H có yêu cầu phản tố chia đôi số vàng cưới và yêu cầu được nhận giá trị số vàng cưới. Cụ thể: 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 24k trị giá 28.800.000 đồng; 01 đôi bông vàng 18k và 01 nhẫn cưới vàng 18k có trọng lượng chung 1,5 chỉ trị giá 15.900.000 đồng. Tổng số tiền 44.700.000 đồng. Anh Lê Thanh H yêu cầu nhận giá trị với số tiền 22.350.000 đồng (44.700.000 đồng : 2 = 22.350.000 đồng).

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Cẩm M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh H. Đối với tài sản chung: Chị M rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia đôi số vàng được cho trong ngày cưới.

Anh Lê Thanh H đồng ý thuận tình ly hôn với chị M. Đối với tài sản chung: Anh H rút một phần yêu cầu phản tố về việc không yêu cầu chia đôi 01 nhẫn cưới vàng 18k; giữ nguyên yêu cầu phản tố còn lại yêu cầu chia đôi 1,9 chỉ vàng 18k (01 dây chuyền vàng trọng lượng 02 chỉ vàng 24k đã đổi lại 1,9 chỉ vàng 18k) và 01 đôi bông tai vàng 18k.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm M đối với yêu cầu chia đôi toàn bộ số vàng được cho trong ngày cưới.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh H về việc không yêu cầu chia đôi 01 nhẫn cưới vàng 18k.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh H đối với yêu cầu chia đôi 1,9 chỉ vàng 18k (01 dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 24k đã đổi lại 1,9 chỉ vàng 18k) và 01 đôi bông vàng 18k.

Về án phí: Chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Cẩm M yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh H và hiện nay anh Lê Thanh H đang cư trú tại ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu của các đương sự nêu trên nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn và tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn".

[1.3] Về người tham gia phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm M và bị đơn anh Lê Thanh H có mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.4] Về phạm vi xét xử: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Cẩm M rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với yêu cầu chia đôi toàn bộ số vàng được cho trong ngày cưới. Anh Lê Thanh H rút một phần yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia đôi 01 nhẫn cưới vàng 18k. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị M, việc rút một phần yêu cầu phản tố của anh H là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử đối với rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị M, đối với rút một phần yêu cầu phản tố của anh H. Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu ly hôn của chị M; yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh H đối với yêu cầu chia đôi 1,9 chỉ vàng 18k (01 dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 24k đã đổi lại 1,9 chỉ vàng 18k) và 01 đôi bông vàng 18k.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H kết hôn vào ngày 07/6/2023, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 07/6/2023 nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Nguyễn Cẩm M yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh H với lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị M và anh H đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau cách nay hơn 01 năm cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị M và

anh H đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 29 tháng 12 năm 2025 (Bút lục số 40-41), Trưởng ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau xác định chị M và anh H đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, hôn nhân giữa chị M và anh H thực tế đã phát sinh mâu thuẫn, không thể giải quyết, cuộc sống chung giữa chị M và anh H đã không còn và không thể duy trì. Điều này cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh H đã không còn có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân, đồng thời, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị M. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, chị M và anh H không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị M và anh H đều thống xác định tổng số vàng được cho trong ngày cưới tất cả là 5,5 chỉ (trong đó: 04 chỉ vàng 24k và 1,5 chỉ vàng 18k) bao gồm: 01 vòng tay 02 chỉ vàng 24k; 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 24k; 01 đôi bông vàng 18k và 01 nhẫn cưới vàng 18k có trọng lượng chung 1,5 chỉ vàng. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị M và anh H đều xác định tất cả số vàng trên hiện nay không còn do chị M đã bán hết.

[2.3.1] Đối với 01 vòng tay 02 chỉ vàng 24k: Anh H và chị M xác định vợ chồng đã bán mua xe sử dụng chung cho vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3.2] Xét yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh H đối với yêu cầu chia đôi 1,9 chỉ vàng 18k (01 dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 24k đã đổi lại 1,9 chỉ vàng 18k), thấy rằng:

Tại phiên tòa, chị M và anh H đều thừa nhận có sự việc anh H đã đổi 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 24k để lấy 01 dây chuyền vàng 18k trọng lượng 1,9 chỉ, sau khi đổi còn dư 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); 1,9 chỉ vàng 18k và tiền dư 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) anh H đưa cho chị M giữ và chị M thừa nhận có giữ số vàng và tiền này.

Tuy nhiên, chị M xác định hiện nay 1,9 chỉ vàng 18k chị đã bán được 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), bán không có giấy tờ, bán tại thời điểm

còn ở nhà chồng, chồng và cha mẹ chồng đều biết. Ngoài ra, không còn ai biết. Bán vàng một phần dùng vào việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình (do chị ở chung với cha mẹ chồng), một phần chi xài cá nhân của chị M như mua mỹ phẩm, quần áo... một phần lo cho con riêng của chị M.

Còn anh H xác định: Chị M bán 1,9 chỉ vàng 18k khi chị M ở bên nhà cha mẹ ruột chị M. Việc bán vàng anh H không biết và cha mẹ anh H không biết, anh H không có sử dụng tiền bán vàng này nên anh H yêu cầu chia đôi 1,9 chỉ vàng 18k theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M thừa nhận có giữ 01 dây chuyền trọng lượng 1,9 chỉ vàng 18k do anh H đổi và hiện nay đã bán nhưng chị không chứng minh được việc bán vàng tại thời điểm còn ở bên nhà chồng và sử dụng vào mục đích chung trong gia đình chồng, trong khi đó anh H không thừa nhận. Mặt khác, tại phiên tòa chị M thừa nhận bán vàng một phần dùng vào việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình (do chị ở chung với cha mẹ chồng), một phần chi xài cá nhân của chị M như mua mỹ phẩm, quần áo...một phần lo cho con riêng của chị M. Anh H xác định anh không biết việc chị M bán vàng và cũng không sử dụng tiền bán vàng. Chị M là người giữ vàng nhưng hiện nay chị M đã bán nên chị M phải có trách nhiệm chia đôi số vàng này và hoàn trả giá trị cho anh H. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh H đối với yêu cầu chia đôi 1,9 chỉ vàng 18k. Anh H được chia 0,95 chỉ vàng 18k. Anh H yêu cầu được nhận giá trị.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị M và anh H đều thống nhất giá vàng 18k đang lưu hành trên thị trường tại thời điểm xét xử có giá trị 10.600.000 đồng/01 chỉ x 1,9 chỉ = 20.140.000 đồng : 2 = 10.070.000 đồng. Chị M phải có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho anh H số tiền 10.070.000 đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

[2.3.3] Xét yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh H đối với yêu cầu chia đôi 01 đôi bông vàng 18k (không xác định được trọng lượng), thấy rằng:

Xét thấy: Theo truyền thống, phong tục tập quán, đôi bông được xem là vật đính ước, của hồi môn cho riêng con dâu khi về nhà chồng, là duyên của người con gái khi về nhà chồng nên xem đây là vật tặng riêng cho con dâu nên không có căn cứ chia đôi số vàng này. Mặc dù, hiện nay chị M xác định đôi bông đã bị mất, anh H xác định chị M đã bán đôi bông nhưng như đã phân tích trên không chia đôi số vàng này mà là được cho riêng chị M, nên chị M không có trách nhiệm hoàn trả ½ số vàng này cho anh H. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của anh H đối với yêu cầu chia đôi 01 đôi bông vàng 18k.

[2.4] Về nợ chung: Chị M và anh H thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị M, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh H; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng tại phiên tòa các đương sự thuận tình ly hôn nên được giảm 50% bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Nguyễn Cẩm M phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và anh Lê Thanh H phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Chị Nguyễn Cẩm M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004088 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và chị Nguyễn Cẩm M được nhận lại 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

[4.2] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị M và anh H mỗi người phải chịu án phí: 10.070.000 đồng x 5% = 504.000 đồng.

Chị Nguyễn Cẩm M đã nộp tiền tạm ứng án phí 919.000 đồng (Chín trăm mười chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000011 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được đối trừ, chị M được hoàn lại số tiền 415.000 đồng (Bốn trăm mười lăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Anh H đã nộp tiền tạm ứng án phí 559.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006391 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được đối trừ, anh H được hoàn lại số tiền 55.000 đồng (Năm mươi lăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a và b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm M đối với yêu cầu chia đôi toàn bộ số vàng được cho trong ngày cưới (Do rút yêu cầu).

3.2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh H về việc không yêu cầu chia đôi 01 nhẫn cưới vàng 18k (Do rút yêu cầu).

3.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh H đối với yêu cầu chia đôi 01 đôi bông vàng 18k.

3.4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh H đối với yêu cầu chia đôi 1,9 chỉ vàng 18k.

Buộc Chị Nguyễn Cẩm M có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho anh Lê Thanh H số tiền 10.070.000 đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Cẩm M và anh Lê Thanh H thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng tại phiên tòa các đương sự thuận tình ly hôn nên được giảm 50% bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Nguyễn Cẩm M phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và anh Lê Thanh H phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Chị Nguyễn Cẩm M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004088 ngày

06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và chị Nguyễn Cẩm M được nhận lại 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

5.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Chị Nguyễn Cẩm M phải chịu án phí 504.000 đồng (Năm trăm linh bốn nghìn đồng). Chị Nguyễn Cẩm M đã nộp tiền tạm ứng án phí 919.000 đồng (Chín trăm mười chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000011 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được đối trừ, chị M được hoàn lại số tiền 415.000 đồng (Bốn trăm mười lăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

- Anh Lê Thanh H phải chịu án phí 504.000 đồng (Năm trăm linh bốn nghìn đồng). Anh Lê Thanh H đã nộp tiền tạm ứng án phí 559.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006391 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được đối trừ, anh H được hoàn lại số tiền 55.000 đồng (Năm mươi lăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Anh